

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **49** /2015/TT-BCA

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân

Căn cứ Nghị định số 106/2014/NĐ-CP, ngày 17/11/2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL, ngày 07/11/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL, ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 149/2012/TTLT-BTC-BLĐTBXH-BVHTTDL, ngày 12/9/2012 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động, Thương binh và xã hội - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Chính trị Công an nhân dân;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên và các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chế độ tiền công; chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; chế độ trợ cấp một lần; chế độ dinh dưỡng; chế độ tiền thưởng; kinh phí đảm bảo cho các hoạt động thể dục, thể thao, diễu binh, diễu hành trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu của Bộ Công an.
2. Huấn luyện viên, vận động viên thuộc đội tuyển Công an các đơn vị, địa phương tham gia các hoạt động thể dục thể thao, diễu binh, diễu hành do Bộ Công an hoặc Công an các đơn vị, địa phương tổ chức. Đội tuyển Công an các đơn vị, địa phương tham gia giải thi đấu thể thao do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức.
3. Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký, y tế, phiên dịch và các nhân viên phục vụ khác tại các hoạt động thể dục thể thao, diễu binh, diễu hành do Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương tổ chức.

Chương II

CHẾ ĐỘ TIỀN CÔNG

Điều 3. Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu tại các đội tuyển Công an được trả tiền công theo ngày với các mức như sau:

- | | |
|--|--------------------------|
| a) Đội tuyển của Bộ: | 120.000 đồng/người/ngày; |
| b) Đội tuyển trẻ; Đội tuyển năng khiếu của Bộ: | 90.000 đồng/người/ngày. |

2. Vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu tại các đội tuyển Công an được trả tiền công theo ngày với các mức như sau:

- | | |
|---------------------------------|-------------------------|
| a) Đội tuyển của Bộ: | 80.000 đồng/người/ngày; |
| b) Đội tuyển trẻ của Bộ: | 40.000 đồng/người/ngày; |
| c) Đội tuyển năng khiếu của Bộ: | 30.000 đồng/người/ngày. |

Điều 4. Huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước

1. Huấn luyện viên, vận động viên là sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân viên Công an trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu được hưởng nguyên lương do đơn vị quản lý chi trả.

2. Trường hợp mức tiền lương (quy ra ngày) của huấn luyện viên, vận động viên thấp hơn mức tiền công (theo ngày) quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì đơn vị sử dụng có trách nhiệm chi trả phần chênh lệch cho huấn

luyện viên, vận động viên (mức tiền lương theo ngày được xác định bằng tiền lương tháng chia cho 22 ngày - số ngày làm việc tiêu chuẩn trong một tháng).

3. Trường hợp huấn luyện viên, vận động viên có thời gian tập trung tập luyện, thi đấu cao hơn số ngày làm việc tiêu chuẩn trong tháng (22 ngày/tháng) thì đơn vị sử dụng có trách nhiệm trả tiền công cho những ngày vượt tiêu chuẩn theo các mức quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Khoản tiền chi thêm quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này không dùng để tính đóng và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Chương III

CHẾ ĐỘ BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ, TRỢ CẤP MỘT LẦN

Điều 5. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc

1. Huấn luyện viên, vận động viên hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu, cơ quan quản lý có trách nhiệm trích nộp kinh phí đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Huấn luyện viên, vận động viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước nhưng thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu, cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm chuyển cho cơ quan quản lý huấn luyện viên, vận động viên khoản kinh phí để đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật.

3. Cơ quan sử dụng, quản lý huấn luyện viên, vận động viên có trách nhiệm giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

Điều 6. Chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế bắt buộc

Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu cho đội tuyển của Công an nếu bị ốm, bị tai nạn phải nghỉ tập luyện, nghỉ thi đấu hoặc chết thì cơ quan sử dụng huấn luyện viên, vận động viên thực hiện như sau:

1. Trường hợp bị ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình được chi trả toàn bộ chi phí khám, chữa bệnh và được hưởng trợ cấp bằng 75% mức tiền công quy định tại Điều 3 Thông tư này trong những ngày nghỉ ốm hoặc thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

2. Trường hợp bị tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu được chi trả toàn bộ chi phí y tế từ khi sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật và được hưởng trợ cấp bằng 100% mức tiền công hiện hưởng. Sau khi điều trị ổn định, được giới thiệu đi giám định khả năng lao động. Nếu bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì được trợ cấp một lần như sau:

a) Suy giảm 5% khả năng lao động được trợ cấp bằng 5 tháng tiền lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 tháng tiền lương cơ sở ;

b) Ngoài mức trợ cấp quy định tại điểm a khoản này, huấn luyện viên, vận động viên còn được hưởng thêm khoản trợ cấp theo thời gian làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được cộng dồn), từ 1 năm (đủ 12 tháng) trở xuống được trợ cấp bằng 0,5 tháng tiền công (tiền công ngày x 26 ngày), sau đó cứ thêm mỗi năm (đủ 12 tháng) được tính thêm 0,3 tháng tiền công.

3. Huấn luyện viên, vận động viên bị chết trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng tiền lương cơ sở.

4. Huấn luyện viên, vận động viên bị chết do tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu hoặc chết trong thời gian điều trị lần đầu do tai nạn trong khi tập luyện, thi đấu thì ngoài trợ cấp mai táng, thân nhân được hưởng trợ cấp một lần bằng 36 tháng tiền lương cơ sở.

5. Huấn luyện viên, vận động viên bị ốm, tai nạn hoặc chết do tự hủy hoại sức khỏe, do sử dụng chất có cồn, chất ma túy, chất gây nghiện, chất kích thích bị cấm thì không được hưởng các chế độ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 7. Chế độ trợ cấp một lần

Huấn luyện viên, vận động viên không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên (kết thúc sự nghiệp làm huấn luyện viên, vận động viên đỉnh cao) được trợ cấp một lần. Cứ mỗi năm (12 tháng) làm huấn luyện viên, vận động viên tập trung (nếu có thời gian ngắt quãng thì được cộng dồn) được trợ cấp 1,5 tháng tiền công (26 ngày/tháng) trước khi thôi làm huấn luyện viên, vận động viên, nhưng thấp nhất cũng bằng 02 tháng tiền công. Khi tính cộng dồn, nếu có lẻ dưới 03 tháng thì không tính, nếu đủ từ 03 tháng đến đủ 06 tháng thì được tính là 1/2 năm, từ trên 06 tháng đến 12 tháng được tính tròn 01 năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG

Điều 8. Nguyên tắc hưởng

1. Huấn luyện viên, vận động viên là cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên Công an trong thời gian tập trung tập luyện, thi đấu đã hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư này thì không được thực hiện các chế độ ăn định lượng, bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, phụ cấp, bồi dưỡng đặc thù (nếu có).

2. Các giải, hội thao không nằm trong kế hoạch hoạt động thể dục, thể thao của Bộ và của các đơn vị, địa phương thì không được thực hiện chế độ dinh dưỡng quy định tại Thông tư này.

3. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên Công an trong thời gian tham gia tập luyện, thi đấu cho đội tuyển quốc gia hoặc tham gia các giải thi đấu khác (không do Bộ Công an hoặc Công an các đơn vị, địa phương tổ chức) mà do địa phương, liên đoàn, hiệp hội tổ chức thì do Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc địa phương, liên đoàn, hiệp hội tổ chức thực hiện.

Điều 9. Chế độ dinh dưỡng

1. Huấn luyện viên, vận động viên trong những ngày tập trung tập luyện theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng (tính bằng tiền) với mức cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: đồng/người/ngày)

TT	CẤP ĐỘI TUYỂN	MỨC ĂN HÀNG NGÀY
1	Đội tuyển của Bộ	150.000
2	Đội tuyển trẻ của Bộ	120.000
3	Đội tuyển năng khiếu của Bộ	90.000
4	Đội tuyển Công an các đơn vị, địa phương dự giải toàn lực lượng Công an nhân dân	120.000
5	Huấn luyện viên, vận động viên tham gia hội thao do Công an các đơn vị, địa phương tổ chức	90.000

2. Huấn luyện viên, vận động viên trong các ngày thi đấu được hưởng chế độ dinh dưỡng với mức cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: đồng/người/ngày)

TT	CẤP ĐỘI TUYỂN	MỨC ĂN HÀNG NGÀY
1	Đội tuyển của Bộ	200.000
2	Đội tuyển trẻ của Bộ	150.000
3	Đội tuyển năng khiếu của Bộ	120.000
4	Đội tuyển Công an các đơn vị, địa phương dự giải toàn lực lượng Công an nhân dân	150.000
5	Huấn luyện viên, vận động viên tham gia hội thao do Công an các đơn vị, địa phương và các giải thi đấu thể thao do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	120.000

Chương V

CHẾ ĐỘ TIỀN THƯỞNG

Điều 10. Chế độ thưởng của Bộ Công an đối với vận động viên lập thành tích tại các giải thi đấu trong và ngoài lực lượng Công an

1. Đối với cá nhân

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	TÊN GIẢI	THÀNH TÍCH			
		HUY CHƯƠNG VÀNG	HUY CHƯƠNG BẠC	HUY CHƯƠNG ĐỒNG	PHÁ KỶ LỤC (THƯỞNG THÊM)
1	Giải vô địch quốc gia	10	7	5	5
2	Giải vô địch trẻ; Cúp quốc gia, quốc tế mở rộng	5	3	2	2
3	Giải các nhóm tuổi; giải khu vực (vùng miền); giải học sinh, sinh viên toàn quốc	3	2	1	1
4	Đại hội khỏe Vì an ninh Tổ quốc	5	3	2	2
5	Hội thao toàn lực lượng	3	2	1	1
6	Hội thao do các đơn vị trực thuộc Bộ; Công an, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các học viện, trường Công an tổ chức	1,5	1	0,7	
7	Giải thi đấu thể thao do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức.	1,5	1	0,7	

2. Các môn thể thao tập thể, số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng tương ứng cho mỗi người.

3. Các môn thể thao đồng đội (thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) số lượng vận động viên được thưởng khi lập thành tích theo quy định của điều lệ giải. Mức thưởng chung bằng số lượng vận động viên nhân với 50% mức thưởng tương ứng cho mỗi người.

4. Các môn thi phối hợp, chương trình thi đấu Olympic chỉ thưởng cho thành tích toàn năng (không thưởng thành tích đơn môn).

Điều 11. Chế độ thưởng đối với huấn luyện viên

1. Những môn thi đấu cá nhân: huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên lập thành tích trong các cuộc thi đấu thì mức thưởng đối với huấn luyện viên bằng mức thưởng đối với vận động viên.

Trường hợp vận động viên có nhiều huấn luyện viên huấn luyện thì tỷ lệ phân chia tiền thưởng được thực hiện theo nguyên tắc: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển được hưởng 60%, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên tại các tuyển trước khi tham gia đội tuyển được hưởng 40%.

2. Những môn thi đấu tập thể: huấn luyện viên trực tiếp huấn luyện đội tuyển thi đấu lập thành tích thì được thưởng mức thưởng chung bằng số lượng huấn luyện viên theo quy định nhân với mức thưởng tương ứng đối với vận động viên đạt giải. Số lượng huấn luyện viên của các đội được xét thưởng; cụ thể:

a) Những môn quy định đội có từ 02 đến 05 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 01 huấn luyện viên;

b) Những môn quy định đội có từ 06 đến 12 vận động viên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 02 huấn luyện viên;

c) Những môn quy định đội có từ 13 vận động viên trở lên tham gia thi đấu: mức thưởng chung tính cho 03 huấn luyện viên.

3. Những môn thi đấu đồng đội: mức thưởng chung cho huấn luyện viên bằng số lượng huấn luyện viên quy định tại khoản 2 Điều này nhân với 50% mức thưởng chung tương ứng.

Điều 12. Chế độ thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đạt thành tích tại các giải quốc tế

Huấn luyện viên, vận động viên Công an được triệu tập, tham gia thi đấu cho đội tuyển quốc gia đạt thành tích tại các giải quốc tế, ngoài các mức tiền thưởng được hưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 32/2011/QĐ-TTg ngày 06/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao được tập trung tập huấn và thi đấu còn được Bộ Công an thưởng thêm như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Thành tích Tên cuộc thi	Huy chương vàng	Huy chương bạc	Huy chương đồng	Phá kỷ lục cộng thêm
I	Đại hội, giải thể thao quy mô quốc tế				
1	Đại hội Olympic	50	30	20	20
2	Đại hội Olympic trẻ	20	10	8	8
3	a) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm I (trong chương trình thi đấu Olympic)	30	20	15	15
	b) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	20	15	10	10
II	Đại hội, giải thể thao quy mô Châu lục				
1	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)	25	15	10	10
2	Đại hội thể thao bãi biển châu Á, Đại hội thể thao Võ thuật – trong nhà châu Á	20	15	10	10
	a) Giải vô địch châu Á hoặc cúp châu Á từng môn của các môn thể thao nhóm I (các môn thể thao trong chương trình thi đấu Olympic)	25	15	10	10
	b) Giải vô địch thế giới hoặc cúp thế giới từng môn của các môn thể thao nhóm II (các môn thể thao còn lại)	20	15	10	10
III	Đại hội, giải thể thao quy mô khu vực				
1	Đại hội thể thao Đông Nam Á	15	10	5	5
2	a) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm I (trong chương trình Olympic)	10	5	3	3
	b) Giải vô địch Đông Nam Á từng môn thể thao nhóm II (các môn thi còn lại)	10	5	3	3

Điều 13. Chế độ thưởng giải toàn đoàn tham gia đại hội, hội thao đạt thành tích

Ngoài chế độ thưởng cho các huấn luyện viên, vận động viên (tập thể, cá nhân), Ban tổ chức Đại hội khỏe Vi an ninh Tổ quốc, hội thao do Bộ hoặc Công an các đơn vị, địa phương tổ chức xét, quyết định chế độ thưởng giải toàn đoàn cho các đơn vị, địa phương đạt thành tích, mức thưởng theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Chương VI

**KINH PHÍ BẢO ĐẢM CHO CÁC HOẠT ĐỘNG
THỂ DỤC, THỂ THAO TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN;
THỜI GIAN TẬP LUYỆN VÀ THI ĐẤU**

Điều 14. Nội dung chi

1. Tiền ăn, tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên.
2. Tiền ăn, bồi dưỡng làm nhiệm vụ cho thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát.
3. Tiền tàu xe đi về, thuê chỗ ở (nếu có) cho các thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, huấn luyện viên, vận động viên.
4. Bồi dưỡng cán bộ nhân viên y tế, chuyên gia, phiên dịch, bảo vệ và các nhân viên phục vụ khác.
5. Thuê địa điểm thi đấu, điện, nước, vệ sinh tại địa điểm thi đấu.
6. Mua (hoặc thuê) phương tiện, dụng cụ, truyền thông, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức, trang thiết bị phục vụ công tác thi đấu.
7. Tổ chức khai mạc, bế mạc, trang trí, tuyên truyền, họp báo, họp ban tổ chức, tập huấn trọng tài.
8. In ấn tài liệu, cúp, cờ, huy chương, giấy chứng nhận thành tích, lịch thi đấu, biên bản thi đấu, kết quả, xác nhận thành tích.
9. Các khoản chi khác có liên quan đến công tác tổ chức và chuyên môn của giải.

Điều 15. Mức chi

1. Tiền ăn: 150.000 đồng/người/ngày.

a) Đối tượng: thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký.

b) Thời gian chi: trước 02 ngày, trong quá trình và sau khi thi đấu 01 ngày (theo quy định của điều lệ, kế hoạch hoạt động của giải).

2. Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ: được tính theo ngày làm việc thực tế, buổi làm việc thực tế, số buổi làm việc thực tế không quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày (riêng môn bóng đá, bóng chuyền tính theo trận/ngày).

a) Các giải hội thao, thi đấu do Bộ Công an tổ chức:

- Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trưởng (phó) các tiểu ban chuyên môn: 120.000 đồng/người/ngày;
- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 100.000 đồng/người/ngày;
- Giám sát, trọng tài, thư ký: 85.000 đồng/người/buổi;
- Giám sát, trọng tài môn bóng đá: 500.000 đồng/trận;
- Giám sát, trọng tài môn bóng chuyền: 100.000 đồng/trận;
- Bảo vệ, y tế, phục vụ: 50.000 đồng/người/buổi.

b) Các giải hội thao, thi đấu do các đơn vị trực thuộc Bộ, Công an cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức:

- Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trưởng (phó) các tiểu ban chuyên môn: 80.000 đồng/người/ngày;
- Thành viên các tiểu ban chuyên môn: 60.000 đồng/người/ngày;
- Giám sát, trọng tài, thư ký: 60.000 đồng/người/buổi;
- Giám sát, trọng tài môn bóng đá: 300.000 đồng/trận;
- Giám sát, trọng tài môn bóng chuyền: 80.000 đồng/trận;
- Bảo vệ, y tế, phục vụ: 45.000 đồng/người/buổi.

c) Tổ chức đồng diễn, diễu binh, diễu hành, xếp hình, xếp chữ tại Đại hội khỏe Vì an ninh tổ quốc và Công an cấp tỉnh, thành phố:

- Mức chi cho sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (thanh toán theo hợp đồng kinh tế giữa Ban tổ chức với tổ chức hoặc cá nhân) thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 21/2003/TTLT-BVHTT-BTC ngày 01/7/2003 của Bộ Văn hóa-Thông tin và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 61/2002/NĐ-CP ngày 11/6/2002 của Chính phủ về chế độ nhuận bút.

- Bồi dưỡng người tập tham gia đồng diễn, điều binh, điều hành, xếp hình, xếp chữ:

Trong thời gian tập luyện:	30.000 đồng/người/buổi;
Tổng duyệt (tối đa 02 buổi):	40.000 đồng/người/buổi;
Buổi chính thức:	70.000 đồng/người/buổi.

- Bồi dưỡng giáo viên quản lý, hướng dẫn đồng diễn, điều binh, điều hành, xếp hình, xếp chữ: 60.000 đồng/người/buổi.

d) Các hoạt động thể thao quốc tế do Bộ tổ chức:

- Quan chức, chuyên gia, trọng tài, giám sát người nước ngoài chi theo thực tế, nhưng không vượt quá chế độ quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính về chế độ chi tiêu, đón tiếp khách nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

- Phiên dịch: 300.000 đồng/người/buổi.

Điều 16. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Thông tư này được đảm bảo từ các nguồn:

- Nguồn ngân sách nhà nước;
- Nguồn thu bán vé xem thi đấu;
- Nguồn thu tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình;
- Nguồn thu hợp pháp khác.

2. Kinh phí chi trả cho các chế độ quy định tại Thông tư này từ các nguồn thu huy động được và nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, theo nguyên tắc:

a) Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn thu huy động được.

b) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí cho việc đi lại, ăn, thuê chỗ nghỉ, bảo hiểm tai nạn, chăm sóc, khám, chữa bệnh, khắc phục tai nạn cho vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu.

Hàng năm, Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán kinh phí báo cáo về Bộ (qua Cục Tài chính) và thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

Điều 17. Dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí

1. Hàng năm, căn cứ vào chương trình, kế hoạch tổ chức các giải thi đấu, nguồn thu (nếu có), cơ quan quản lý về thể dục, thể thao của Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán chi ngân sách cho các giải thi đấu do cấp mình tổ chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách đã được phê duyệt, Công an các đơn vị, địa phương phân bổ dự toán chi cho các giải thi đấu cho các đơn vị thực hiện theo quy định.

3. Trước khi tổ chức các giải thi đấu, Ban tổ chức lập dự toán chi tiết gửi cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt và tổ chức chi tiêu trong phạm vi dự toán phê duyệt.

4. Khoản chi tiêu cho các giải thi đấu được hạch toán vào các mục tương ứng theo chương, loại, khoản quy định của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

5. Sau khi kết thúc giải, trong thời hạn tối đa 30 ngày, Ban tổ chức giải thi đấu có trách nhiệm tập hợp chứng từ thu, chi và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Điều 18. Thời gian tập luyện và thi đấu các giải

1. Thời gian tập luyện:

a) Các đội tuyển của Bộ (các tuyển), tổ chức tập luyện thường xuyên cả năm;

b) Không quá 60 ngày/giải, đối với giải toàn lực lượng Công an;

c) Không quá 45 ngày/giải đối với các giải hội thao tại các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ, Công an, Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hội thao do địa phương tổ chức.

2. Thời gian thi đấu thực hiện theo quy định của điều lệ giải.

3. Giải quốc tế do Bộ Công an tổ chức thời gian tập luyện, thi đấu do lãnh đạo Bộ Công an quyết định.

Chương VII**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2015.

2. Bãi bỏ Thông tư số 16/2008/TT-BCA, ngày 05/9/2008 của Bộ hướng dẫn thực hiện chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong lực lượng Công an nhân dân và những quy định trước đây của Bộ Công an trái với quy định tại Thông tư này.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng, thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an, Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Tổng cục Chính trị Công an nhân dân phối hợp với Cục Tài chính lập dự toán kinh phí bảo đảm cho các hoạt động thể dục, thể thao trong Công an nhân dân hàng năm theo quy định.

3. Tổng cục Chính trị Công an nhân dân chịu trách nhiệm, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc nảy sinh, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục Chính trị Công an nhân dân) để kịp thời hướng dẫn. *NA*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các tổng cục, đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an, Cảnh sát PCCC các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, V19, X11 (X15).



Đại tướng Trần Đại Quang